

Bản án số: 33/2024/DS-ST

Ngày: 24 - 6 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Khoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Tân Bình;
- Bà Đinh Thị Bích Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kiều Vĩnh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: [Ngân hàng Thương mại Cổ phần S](#); địa chỉ: [2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh](#).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông [Mai Xuân T](#), sinh năm 1976; địa chỉ: [2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh](#), là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 12 năm 2023), vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà [Nguyễn Thị Hoài T1](#), sinh năm 1998; địa chỉ: [ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương](#), vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông [T](#) trình bày:

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, bà [T1](#) có ký với [Ngân hàng TMCP S](#) (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà [T1](#), Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng bà [T1](#) đã thực hiện các giao dịch và các khoản

phải thanh toán với tổng số tiền là 75.708.571 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà [T1](#) chưa thanh toán cho Ngân hàng với số tiền là 40.844.062 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà [T1](#) vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà [T1](#) vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng sử dụng thẻ. Ngày 10 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc nhiều lần làm việc trực tiếp với bà [T1](#), yêu cầu bà [T1](#) có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà [T1](#) trả nợ, tuy nhiên bà [T1](#) vẫn chưa thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà [Nguyễn Thị Hoài T1](#) phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24 tháng 6 năm 2024 là 40.116.972 (bốn mươi triệu một trăm mười sáu nghìn chín trăm bảy mươi hai) đồng và lãi phát sinh sau ngày 24 tháng 6 năm 2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà [Nguyễn Thị Hoài T1](#) đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp đã thể hiện trong biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa,

Người đại diện ủy quyền nguyên đơn vắng mặt có văn bản giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: [Ngân hàng TMCP S](#) khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn bà [T1](#) có nơi cư trú tại khu [ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: bị đơn bà **T1** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định pháp luật. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà **T1**. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 31.787.169 đồng. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Bản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có chữ ký của bà **Nguyễn Thị Hoài T1** và đại diện Ngân hàng, theo đó Ngân hàng cấp cho bà **T1** số tiền 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà **T1** là tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ bà **T1** thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền 75.708.571 đồng. Bà **T1** đã thanh toán cho Ngân hàng 40.844.062 đồng số tiền gốc còn lại tính tới ngày 24 tháng 6 năm 2024 là 31.787.169 đồng. Do bà **T1** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên tháng 12 năm 2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà **T1** và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là và tổng gốc lẫn lãi đến ngày 24 tháng 6 năm 2024 là 40.116.972 (bốn mươi triệu một trăm mười sáu nghìn chín trăm bảy mươi hai) đồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 117, Điều 288, Điều 317, Điều 320, Điều 401, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính Phủ về quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ giao dịch bảo đảm;

Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Hoài T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Bản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng số tiền 40.116.972 (bốn mươi triệu một trăm mười sáu nghìn chín trăm bảy mươi hai) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 25 tháng 6 năm 2024) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hoài T1 phải chịu án phí là 2.005.848 (hai triệu không trăm lẻ năm nghìn tám trăm bốn mươi tám) đồng.

H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 871.612 (tám trăm bảy mươi mốt nghìn sáu trăm mười hai) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 3440 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**3.** Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đăng Khoa**